

DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN TUYỂN DỤNG VÀO CÔNG CHỨC KHÔNG QUA THI TUYỂN
(DANH SÁCH THAM GIA KIỂM TRA SÁT HẠCH VÀO NGÀY 22/11/2015)

TT.	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú	
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1. VĂN PHÒNG UBND TỈNH															
1	Đinh Thị Hương	Giang	29/8/1982	Đại học, ngành Luật học (4/2005)	Anh B	B	8/2006 - 8/2009: HĐLĐ tại Phòng Quản trị tài vụ; 9/2009 - nay: HĐLĐ tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Bình.	QH BNN: 9/2009	Chuyên viên Phòng văn xã, Văn phòng UBND tỉnh Quảng Bình.	Chuyên viên (01.003)	3	3,00	01/9/2015	Hành chính Văn phòng	
2. VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QH VÀ HĐND TỈNH															
2	Nguyễn Chí Thanh		20/6/1986	Đại học, ngành Kinh tế (8/2009); Thạc sỹ Quản trị KD	Anh B1	B	01/2007-12/2012: HĐLĐ, Phó phòng Kinh tế tổng hợp Công ty Cổ phần Thương mại miền núi - Công nghiệp Quảng Bình; 01/2013 - nay: HĐLĐ tại Phòng Tổng hợp, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Bình.	HĐLĐ theo QĐ 23: 01/2013	Chuyên viên Phòng tổng hợp, Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh Quảng Bình.	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	1/1/2013	Hành chính Văn phòng	Trình Bộ Nội vụ
3. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ															
3	Mai Thị Hải Vân		16/11/1984	ĐH, ngành: Tài chính - Ngân hàng (6/2007); Thạc sỹ, ngành: Quản trị kinh doanh	Anh C	KTV	1/2008- 5/2013: Giao dịch viên ở Ngân hàng; 6/2013 - nay: Thanh toán viên ở Ngân hàng Ngoại thương (CN QB)	HĐLĐ: 01/2008	Chuyên viên Văn phòng, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên 01.003	2	2,67	01/12/2015	Hành chính Văn phòng	Trình Bộ Nội vụ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Nguyễn Thị Liên Phương	29/11/1982	ĐH, ngành: Kinh tế thương mại (8/2005)	Anh B	B	10/2006: Giao dịch viên tại Ngân hàng CP Thương tín Sài Gòn Chi nhánh Quảng Bình; 9/2011 - nay: Viên chức tại Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở KH-ĐT	TDVC: 9/2011	Chuyên viên Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên 01.003	3	3,00	1/5/2013	Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	
5	Nguyễn Việt Vương	25/11/1981	ĐH, ngành: Thủy lợi - Thủy điện (7/2005); Quản trị kinh doanh (5/2010)	Anh C	B	9/2005 - 12/2013: HLD cán bộ Cty TNHH 1 TV Khai thác công trình Thủy lợi; 01/2013 - nay: VC tại Phòng thẩm định dự án đầu tư, Sở KH - ĐT	TDVC: 01/2013	Chuyên viên Phòng Thẩm, định dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên 01.003	3	3,00	01/12/2012	Quản lý Kế hoạch và Đầu tư	
4. SỞ NỘI VỤ														
6	Hồ Anh Chuyên	27/9/1985	ĐH, ngành Lưu trữ và Quản trị văn phòng (9/2008)	Anh B	B	10/2008 - 4/2009: Nhân viên hành chính ở Công ty; 5/2009 - nay: Viên chức tại TT Lưu trữ, Chi cục Văn thư LT, Sở Nội vụ	TDVC: 9/2008	Chuyên viên Phòng Quản lý Văn thư Lưu trữ, Chi cục VTLT, Sở Nội vụ	Chuyên viên 01.003	2	2,67	01/5/2013	Quản lý Văn thư Lưu trữ	
5. SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI														
7	Phạm Xuân Thùy Linh	10/8/1986	Đại học, ngành Hành chính (09/2009); Thạc sỹ Hành chính 6/2014)	ĐH Anh	B	8/2009-nay: HLD, Viên chức tại Quỹ Bảo trợ trẻ em, Sở Lao động Thương binh và Xã hội;	Tuyển dụng VC: 7/2010	Chuyên viên Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	01/7/2013	Hành chính Văn phòng	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6. SỞ XÂY DỰNG														
8	Nguyễn Đăng Cương Minh	24/02/1986	Đại học, ngành Xây dựng dân dụng, công nghiệp (8/2009); Thạc sỹ QTKD (2014)	Anh B	KTV	8/2009- 8/2009: HĐLĐ tại Viện Quy hoạch Xây dựng; 8/2009- 2/2015: VC Viện Quy hoạch Xây dựng; 3/2015 - nay: VC tại Phòng QL HĐXD Sở Xây dựng	TDVC: 8/2009	Chuyên viên tại Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng, Sở Xây dựng	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	01/10/2013	Quản lý hoạt động Xây dựng và Đô thị	
9	Nguyễn Thị Thuận	28/4/1978	Đại học, ngành Quản trị Kinh doanh (8/2001);	Anh C	B	5/2007 - 3/2015 Viên chức, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, BQL DA Đầu tư XD; 3/2015 - nay, VC Văn phòng Sở Xây dựng.	Tuyển dụng VC: 2013	Chuyên viên Văn phòng Sở Xây dựng	Chuyên viên (01.003)	4	3,33	1/1/2013	Hành chính Văn phòng	
10	Nguyễn Hùng Dũng	13/4/1984	Đại học, ngành XD Dân dụng và Công nghiệp (8/2008)	Anh B	KTV	02/2009 - nay: Cán bộ Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật - Kế hoạch, Công ty Cổ phần Xây dựng Trường Xuân.	HĐLĐ: 02/2009	Chuyên viên Thanh tra Sở Xây dựng	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	01/11/2013	Quản lý hoạt động Xây dựng và Thanh tra chuyên ngành	Trình Bộ Nội vụ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG														
11	Mai Thanh Bình	19/5/1979	ĐH Toán - Tin (7/2001)	Anh C	ĐH	6/2007 - 4/2009: Phó phòng Kinh doanh Bưu chính- viễn thông tin học, Bưu điện tỉnh; 5/2009 -4/2015: HỖLĐ Kinh doanh Viễn thông, Phó, Trưởng phòng HC- TH BQL Điện lực Dầu khí Vũng Áng; 4/2015- nay: HỖLĐ, VC Văn phòng Sở TT và Truyền thông	Tuyển dụng VC: 4/2015	Chuyên viên Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông	Chuyên viên (01.003)	5	3,66	01/5/2015	Hành chính Văn phòng	
8. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN														
12	Châu Đình Giang	22/10/1985	ĐH, ngành Lâm nghiệp (3/2009) (Tại chức)	Anh B	B	9/2009-7/2013: Viên chức Hạt Kiểm lâm Quảng Ninh; 8/2013 - nay: Viên chức Phòng Tổ chức - Hành chính, Chi cục Kiểm lâm	VC: 9/2009	Chuyên viên Phòng Tổ chức - Hành chính, Chi cục Kiểm lâm	Chuyên viên 01.003	3	3,00	01/3/2015	Hành chính Văn phòng	
13	Nguyễn Phi Long	03/4/1982	ĐH, ngành Lâm nghiệp (12/2007)	Anh B	B	2/2008- nay: HỖLĐ Bảo vệ rừng kiểm Lái xe, Hạt Kiểm lâm Quảng Trạch	HỖLĐ: 2/2008	Kiểm lâm viên Hạt Kiểm lâm Quảng Trạch, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên 10.226	3	3,00	01/01/2015	Quản lý Rừng và Môi trường	Trình Bộ Nội vụ
14	Nguyễn Thanh Minh	28/8/1982	ĐH, ngành Khai thác thủy sản (4/2008)	Anh B	VP	8/2009 - 10/2010: HỖLĐ Phòng QL Khai thác Tàu cá; 10/2010 - nay: Viên chức, Phó phòng, Trạm trưởng Trạm bờ, Chi cục Khai thác BVNL Thủy sản	HỖLĐ: 8/2009; VC: 11/2010	Chuyên viên Chi cục Khai thác BVNL Thủy sản	Chuyên viên 01.003	2	2,67	01/11/2013	Quản lý Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Hoàng Chí Thanh	13/4/1992	ĐH, ngành Quản lý TNR và Môi trường (6/2014)	Anh B	B	01/01/2015 - nay: HĐLĐ phòng QL BVR- Chi cục Kiểm lâm	Giới, Thủ khoa	Kiểm lâm viên Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Chi cục Kiểm lâm	Kiểm lâm viên 10.226	1	2,34	01/12/2015	Quản lý Rừng và Môi trường	Tuyển theo điểm a, K1, Điều 19, NĐ 24 Trình BNV
16	Ngô Văn Mạnh	20/10/1982	ĐH, ngành Chăn nuôi thú y (9/2006)	Anh B	B	6/2008 - nay: Viên chức Trạm Kiểm dịch động vật Bắc Quảng Bình Chi cục Thú y	VC: 6/2008	Kiểm dịch viên Động vật Chi cục Thú y	Kiểm dịch viên 09.068	3	3,00	01/4/2013	Quản lý Kiểm dịch Động vật	
17	Trần Văn Dương	05/10/1978	ĐH, ngành Chăn nuôi thú y (12/2002)	Anh B	B	Viên chức Trạm Kiểm dịch động vật Bắc Quảng Bình, Chi cục Thú y (6/2008)	VC: 6/2008	Phòng Kỹ thuật nông nghiệp, Sở NN và PTNT	Kiểm dịch viên 09.068	4	3,33	01/01/2014	Quản lý Kiểm dịch Động vật	
18	Trần Anh Phương	13/02/1980	ĐH, ngành Nuôi trồng Thủy sản (9/2001)	Anh B	KTV	8/2001- 9/2014: Hợp đồng lao động tại Trại sản xuất giống, Trung tâm giống Thủy sản; 10/2014 - nay: Viên chức Trung tâm Giống Thủy sản QB	HĐLĐ: 8/2001; VC: 10/2014	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản, Sở NN&PTNT	Chuyên viên (01.003)	5	3,66	01/04/2013	Quản lý Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản	
19	Nguyễn Văn Hồng	04/6/1977	Đại học, ngành Thủy lợi (6/2005) (tại chức)	Anh B1	B	7/2003-7/2005: HĐLĐ cán bộ khảo sát công trình Thủy lợi Công ty TVXD Trường Sơn; 8/2005 - nay: Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng Miền Trung	HĐLĐ: 7/2003	Chuyên viên Phòng Thủy lợi đề điều, Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão.	Chuyên viên (01.003)	3	3,00	01/8/2013	Quản lý Thủy lợi Đề điều	Trình Bộ Nội vụ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
20	Bùi Văn Thọ	28/11/1984	Đại học, ngành Khai thác thủy sản (8/2009)	Anh B	B	10/2009- 9/2010: HĐLĐ tại Phòng QL Khai thác và Tàu cá, Chi cục KT&BVNL Thủy sản; 10/2010 - nay: Viên chức Trạm Khai thác và BVNL Thủy sản Sông Gianh, Chi cục KT&BVNL Thủy sản.	Tuyển dụng VC: 10/2010	Chuyên viên phòng Kỹ thuật nông nghiệp, Sở NN và PTNT	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	01/12/2013	Quản lý Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản	
21	Nguyễn Tiến Hải	31/7/1984	Đại học, ngành An toàn Hàng hải (8/2006)	Anh B	B	10/2009- 4/2010: HĐLĐ tại Chi cục KT&BVNL Thủy sản; 4/2010 - 6/2012: cán bộ Phòng Thanh tra; 7/2012 - nay: Viên chức Trạm Khai thác và BVNL Thủy sản Nhật Lệ, Chi cục KT&BVNL Thủy sản.	Tuyển dụng VC: 10/2010	Chuyên viên Trạm Khai thác và BVNL Thủy sản Nhật Lệ, Chi cục KT&BVNL Thủy sản, Sở NN&PTNT	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	01/11/2013	Quản lý Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản	
9. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ														
22	Trương Tấn Hùng	12/6/1980	ĐH, ngành: Địa chất (2002);	Anh B	VP	1/2003-6/2010: HĐLĐ Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; 7/2010 - nay: VC Trung tâm Kỹ thuật Đo lường chất lượng (Sở KH - CN)	TDVC: 28/6/2010	Chuyên viên Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường - Chất lượng, Sở KH - CN	Chuyên viên 01.003	5	3,66	01/01/2014	Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	
10. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO														
23	Đặng Thị Chung	28/7/1979	Đại học ngành SP Giáo dục Mầm non (8/2009); (Từ xa)	Anh B	B	9/2000 - 8/2013: Giáo viên Trường mầm non Hoa Hồng, Tp Đồng Hới; 9/2013 - nay: Viên chức Phòng Giáo dục Mầm non, Sở Giáo dục và Đào tạo	Tuyển dụng VC: 10/2011	Chuyên viên Phòng Giáo dục Mầm non, Sở Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên (01.003)	4	3.33	01/9/2013	Quản lý Giáo dục và Đào tạo	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính năng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
24	Phan Anh Vũ	08/5/1975	Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán (7/2009); (tại chức)	Anh B	B	01/1997 - nay: HỖLĐ Kế toán BQL Dự án Sở Giáo dục và Đào tạo	HỖLĐ dài hạn của Sở GD - ĐT: 1998	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên (01.003)	5	3,66	01/9/2015	Tài chính Kế toán	
11. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI														
25	Nguyễn Thanh Bình	29/11/1982	ĐH ngành: Xây dựng cầu đường (10/2008) (tại chức)	Anh B	B	T10/2008 - 5/2013: HỖLĐ cán bộ KT Công ty TNHH Tư vấn và Hỗ trợ PTNT; T6/2013 - nay, Thanh tra Giao thông	HỖLĐ: T10/2008	Chuyên viên Thanh tra giao thông, Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên (01.003)	2	2.67	01/5/2013	Thanh tra chuyên ngành Giao thông	Trình Bộ Nội vụ
12. SỞ Y TẾ														
26	Mai Đức Thăng	18/11/1986	ĐH ngành: Điều dưỡng đa khoa (6/2009)	Anh C	B	T9/2009-1/2010: HỖLĐ, VC Tại Trung tâm Giáo dục LD và Xã hội, Sở LD TB - XH; T1/2010 - nay: VC tại Văn phòng Sở Y tế	VC: 9/2009	Chuyên viên văn phòng Sở Y tế	Chuyên viên (01.003)	2	2.67	01/10/2013	Hành chính Văn phòng	
13. BAN DÂN TỘC														
27	Dương Văn Tuyên	07/12/1977	Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán (4/2009); (Tại chức)	Anh B	B	2008-8/2013: HỖLĐ tại Phòng Tài chính - Kế toán, Nhà máy đóng tàu Nhật Lệ; 9/2013 - nay: Viên chức phòng Chính sách - Tuyên truyền, Ban Dân tộc	TDVC: 3/2013	Chuyên viên Phòng Chính sách tuyên truyền, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên (01.003)	2	2.67	01/01/2013	Tuyên truyền chính sách dân tộc	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
14. BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ														
28	Nguyễn Như Tâm	14/02/1981	ĐH ngành: Xây dựng cầu đường (8/2009);	Anh C	B	5/2003 - 3/2012: HDLD kỹ thuật viên, Phó phòng Thiết kế Công ty; 4/2012 - nay: HDLD, Viên chức kỹ thuật tại BQL Khu Kinh tế Quảng Bình	Tuyển dụng VC: 1/2013	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Đầu tư, BQL Khu Kinh tế tỉnh	Chuyên viên (01.003)	4	3,33	01/8/2015	Quản lý Kế hoạch Đầu tư	
29	Phan Đức Bảo	22/01/1980	ĐH ngành: Quản trị Kinh doanh (7/2005)	Anh C	B	- 1/2006 - 10/2009: Cán bộ tại DA Giàn nghèo KV Miền Trung; - 11/2009 - 12/2010: Cán bộ kỹ thuật Công ty QL Hạ tầng Khu KT; - 01/2011 - 3/2015: VC tại Đại diện BQL Khu KT (tại Hòn La); - 4/2015 - nay: VC Văn phòng BQL Khu KT tỉnh QB	TDVC : 7/2010	Chuyên viên Văn phòng, BQL Khu Kinh tế tỉnh	Chuyên viên (01.003)	3	3.00	01/02/2013	Hành chính Văn phòng	
15. BAN QUẢN LÝ VƯỜN QG PHONG NHA - KÊ BÀNG														
30	Nguyễn Quang Vinh	12/5/1978	ĐH, ngành Lâm nghiệp (9/2001); Thạc sĩ Lâm nghiệp	Anh C	KTV	07/2001 - 11/2006: Hợp đồng tại Hạt Kiểm lâm vườn; 12/2006 - nay: Viên chức, (2013) Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Vườn.	TDVC: 12/2006	Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Vườn	Chuyên viên 01.003	5	3,66	01/6/2013	Quản lý Rừng và Môi trường	
31	Lê Văn Long	20/02/1979	ĐH, ngành Lâm nghiệp (9/2001)	Anh B	B	10/2003-12/2006: Cán bộ Trung tâm nghiên cứu khoa học và cứu hộ; 7/2006 -7/2009: Hợp đồng tại Hạt Kiểm lâm vườn; 8/2009 -nay: Trạm trưởng phụ trách Tổ Kiểm lâm cơ động, Hạt Kiểm lâm Vườn	TDVC: 12/2006	Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Vườn	Chuyên viên 01.003	5	3,66	01/10/2013	Quản lý Rừng và Môi trường	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
16. THANH TRA TỈNH														
32	Nguyễn Giang	04/11/1982	ĐH, ngành Xây dựng cầu đường (8/2007)	Anh C	KTV	10/2007 - 8/2011: HĐLĐ Quản lý dự án và giám sát công trình XD Công ty 545; 9/2011 - 12/2012: HĐLĐ làm HC-TH tại Công ty TVTKXD Dịch vụ Thương mại CPU; 12/2012 - nay: HĐLĐ làm tổng hợp - hành chính tại Văn phòng Thanh tra tỉnh Quảng Bình	HĐLĐ: 2007	Chuyên viên Văn phòng - Tổng hợp, Thanh tra tỉnh Quảng Bình	Chuyên viên 01.003	2	2,67	01/01/2014	Hành chính Văn phòng	Trình Bộ Nội vụ
17. UBND HUYỆN QUẢNG NINH														
33	Nguyễn Xuân Thùy	13/6/1977	ĐH, ngành Bảo vệ thực vật (6/2003)	Anh B	VP	8/3003-8/2011: HĐLĐ Trạm Khuyến nông huyện Quảng Ninh; 8/2011-nay: Viên chức Phòng NN&PTNT huyện	HĐLĐ: 8/2003; BNN: 12/2010	Chuyên viên Phòng NN&PTNT, UBND huyện Quảng Ninh	Chuyên viên 01.003	4	3,33	01/11/2013	Quản lý Khuyến nông	
34	Trương Ngọc Quý	04/5/1977	ĐH, ngành Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện (04/2001)	Anh B	B	8/2007 - 11/2014: VC BQLDA XD Quảng Ninh; 12/2004 - nay: VC Phòng KH - TC, UBND huyện Quảng Ninh	VC: 12/2014	Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Quảng Ninh	Chuyên viên 01.003	5	3,66	01/8/2014	Quản lý Kế hoạch Đầu tư	
35	Võ Phú Lộc	30/6/1987	ĐH, ngành Luật (7/2009)	Anh B	B	10/2009 -12/2014: VC TT Trợ giúp Pháp lý Sở Tư pháp ĐăcLắc; 12/2014 - nay: VC Thanh tra huyện Quảng Ninh	VC: 2/2011	Chuyên viên Phòng Thanh tra, UBND huyện Quảng Ninh	Chuyên viên 01.003	2	2,67	01/10/2013	Thanh tra Nhà nước	
36	Nguyễn Thị Hiêng	06/11/1976	ĐH, ngành Chế biến lâm sản (4/1999); Kế toán (10/2004)	Anh B	B	6/2009-3/2015: Viên chức Ban điều phối Dự án Khu vực Phong Nha - Kẻ bàng; 4/2015 - nay: VC Văn phòng HĐND&UBND huyện Quảng Ninh	VC: 6/2009	Chuyên viên Văn phòng HĐND&UBND huyện Quảng Ninh	Chuyên viên 01.003	5	3,66	01/6/2015	Hành chính Văn phòng	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính năng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
18. UBND TP ĐỒNG HỚI														
37	Lê Tuấn Lợi	21/01/1980	ĐH, ngành: Quản lý Đất đai (6/2001); Thạc sỹ, ngành: Quản lý Đất đai (7/2013)	Anh C	KTV	HĐLĐ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (7/2005 - 8/2009); 9/2009 - 01/2011: VC Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất; 01/2011-nay: PG Đ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	VC 9/2009	Chuyên viên Phòng Tài nguyên - Môi trường, UBNDTP Đồng Hới	Chuyên viên 01.003	4	3,33	01/7/2015	Quản lý Tài nguyên, Môi trường	
38	Phan Thị Hiền	29/9/1982	Đại học, ngành Kế toán (12/2008); ĐH Tiếng pháp (7/2005)	ĐH Tiếng Pháp	KTV	01/2009 - 5/2010: HĐLĐ làm hành chính - Tổng hợp kiêm Kế toán tại Công ty; 6/2010 - nay: Viên chức Kế toán, tổng hợp hành chính, Phòng Nội vụ UBND TP Đồng Hới	TDVC: 5/2010	Chuyên viên phụ trách Kế toán, Hành chính - tổng hợp, Phòng Nội vụ UBND TP Đồng Hới	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	1/6/2014	Tài chính Kế toán	
39	Trần Hùng Cường	12/01/1986	Đại học, ngành Lâm vườn, sinh vật cảnh (9/2009)	Anh C	B	9/2009 - 12/2010: HĐLĐ tại Trung tâm UD Khoa học Công nghệ; 1/2011 - 3/2015: HHĐLĐ, VC tại Trung tâm Công viên cảnh xanh TP Đồng Hới; 3/2015 - nay: VC Phòng Quản lý Đô thị, UBND TP Đồng Hới	TDVC: 11/2011	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị, UBND TP Đồng Hới	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	01/11/2015	Quản lý hoạt động Xây dựng và Đô thị	
40	Phạm Ngọc Toàn	20/12/1978	Đại học chuyên tu ngành Dược (9/2009); BS CK I	Anh B	B	12/2001- 8/2010: HĐLĐ tại TT Y tế Dự phòng TP Đồng Hới; 9/2010 - 11/2014: HĐLĐ tại Phòng NV Dược - Công ty CP Dược DADISON; 12/2014 - nay: HĐLĐ ở Phòng Y tế TP Đồng Hới	HĐLĐ 12/2001	Chuyên viên Phòng Y tế, UBND TP Đồng Hới	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	01/12/2015	Quản lý Y dược	Trình, Bộ Nội vụ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
41	Trương Thị Hương Minh	15/8/1980	Đại học, SP Giáo dục Mầm non (8/2009) (tại chức); Thạc sỹ Quản lý GD (8/2014)	Anh B	B	8/1998 - 10/2012: Giáo viên, Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hoa Hồng; 11/2012- nay: VC biệt phái về Phòng Giáo dục - Đào tạo thành phố Đồng Hới	TDVC: 12/2008	Chuyên viên Phòng Giáo dục - Đào tạo UBND TP Đồng Hới	Chuyên viên (01.003)	4	3,33	01/7/2014	Quản lý Giáo dục và Đào tạo	
19. UBND HUYỆN BỐ TRẠCH														
42	Nguyễn Công Thanh	10/10/1991	Đại học, ngành Tài chính (7/2014) tại Cộng hòa ND Trung Hoa	Anh B1	B	Đại học Xuất sắc nước ngoài	Đại học nước ngoài, xuất sắc	Chuyên viên phụ trách Kế toán Phòng Kế hoạch - Tài chính, UBND huyện Bố Trạch	Chuyên viên (01.003)	1	2,34	01/12/2015	Tài chính Kế toán	Tuyển theo điểm a, Điều 19 (giới nước ngoài); Trình Bộ Nội vụ
43	Nguyễn Thị Hiếu Giang	17/3/1987	Đại học, ngành văn học (7/2009);	Anh C	B	Từ 8/2009 - 11/2011: HDLD công tác văn thư lưu trữ tại Phòng Nội vụ, UBND huyện Bố Trạch; 12/2011 - nay: Viên chức văn thư lưu trữ tại Phòng Nội vụ, UBND huyện Bố Trạch;	TDVC: 12/2011	Chuyên viên phụ trách Văn thư lưu trữ, Phòng Nội vụ, UBND huyện Bố Trạch	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	01/8/2014	Quản lý Văn thư Lưu trữ	
20. UBND THỊ XÃ BA ĐỒN														
44	Nguyễn Quang Tường	17/11/1981	Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán (6/2009);	Anh B	B	T 01/3/2009 - 8/2012: HDLD Phòng TC - Kế toán Công ty Xi măng Cosco Sông Gianh Quảng Bình, Tổng Công ty Miền Trung; 9/2012 - nay: HDLD tại Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thị xã Ba Đồn	HDLĐ: 01/4/2009	Chuyên viên Phụ trách Kế toán Bộ phận ngân sách giáo dục, Phòng Kế hoạch- Tài chính, UBND thị xã Ba Đồn	Chuyên viên	2	2,67	01/8/2013	Tài chính Kế toán	Trình Bộ Nội vụ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
45	Trần Thị Ánh Tuyết	20/06/1986	Đại học, ngành Sư phạm Ngữ văn (9/2009)	Anh B	KTV	7/2009-10/2010: Phóng viên Báo Kinh tế đối ngoại; 10/2010 - 6/2015: HDLD, VC Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Quảng Trạch; 6/2015 - nay: Viên chức Phòng Nội vụ thị xã Ba Đồn	Tuyển dụng VC: 9/2009	Chuyên viên Phòng Nội vụ, UBND thị xã Ba Đồn	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	01/01/2015	Hành chính Văn phòng	
46	Hoàng Thị Bích Thủy	05/11/1983	Đại học, ngành Sư phạm Hóa (6/2006)	Anh B	B	9/2006 - 11/2012: HDLD, Viên chức giảng dạy tại các Trường: THCS Quảng Hưng, Quảng Phong, Nguyễn Hàm Ninh; 11/2012 - nay: Phó Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Hàm Ninh	Tuyển dụng VC: 12/2006	Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND thị xã Ba Đồn	Chuyên viên (01.003)	3	3,00	01/12/2013	Quản lý Giáo dục và Đào tạo	
21. UBND HUYỆN TUYỀN HÓA														
47	Hoàng Thị Ngọc Hạnh	06/12/1981	Đại học, ngành Kỹ sư Thủy lợi (6/2005)	Anh B	B	8/2006 - 6/2010: HDLD CB kỹ thuật BQL DA KTMN huyện; 6/2010-nay: HDLD, VC tại Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tuyên Hóa	TDVC 11/2008	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực Thủy lợi, phòng chống thiên tai, nước sạch vệ sinh môi trường, Phòng NN&PTNT, UBND huyện Tuyên Hóa	Chuyên viên (01.003)	3	3,00	01/03/2013	Quản lý Thủy lợi Đề điều	
48	Trần Mạnh Hùng	06/4/1974	Đại học, ngành SP Thể dục thể thao (12/2006) Tại chức	Anh B	A	T9/1996 - nay: Giáo viên dạy Thể dục - An ninh Quốc phòng, Trường THPT Tuyên Hóa	Tuyển dụng VC: 7/2008	Chuyên viên Phòng Văn hóa Thông tin, UBND huyện Tuyên Hóa	Chuyên viên (01.003)	7	4,32	01/8/2015	Quản lý Văn hóa, Thể thao	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
22. UBND HUYỆN MINH HÓA														
49	Trương Trung Thông	25/12/1975	ĐH, ngành Sư phạm Tiểu học (12/2001). (Tại chức)	Anh A	B	10/2008 - nay: Viên chức, Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Thị Trấn Quy Đạt, Minh Hóa	VC: 10/2008	Chuyên viên Phòng Giáo dục - Đào tạo, UBND huyện Minh Hóa	Chuyên viên (01.003)	7	4,32	1/2/2015	Quản lý Giáo dục và Đào tạo	
50	Đình Tiến Dũng	20/4/1981	ĐH, ngành Sư phạm Toán học (8/2004)	ĐH Anh	B	9/2004-3/2015: Viên chức, Phó Hiệu trưởng Trường THPT Minh Hóa; 4/2015 - nay: VC Văn phòng HĐND và UBND huyện Minh Hóa	QĐ BNN CC: 9/2005	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện Minh Hóa	Chuyên viên (01.003)	4	3,33	01/10/2014	Hành chính Văn phòng	
23. UBND HUYỆN QUẢNG TRẠCH														
51	Trương Văn Thương	12/10/1982	Bác sĩ Đa khoa (6/2009).	Anh B	KTV	8/2009 - 04/2010: Nhân viên Trạm y tế Quảng Hải, Phòng Y tế huyện Quảng Trạch; 04/2010 - nay: HDLD Phòng Y tế huyện Quảng Trạch.	QĐ bổ trí ĐT địa chỉ 8/2009	Chuyên viên Phòng Y tế, UBND huyện Quảng Trạch	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	1/9/2013	Quản lý Y dược	
52	Nguyễn Tiến Thành	10/9/1981	ĐH, ngành Kinh tế (Tài chính) (7/2009); (tại chức)	Anh B	B	01/2005 - 12/2005: HDLD Văn phòng Trường; 01/2006 - 9/2014: Kế toán Hội chữ thập đỏ huyện; 10/2014 - nay: Viên chức Phòng LĐ TB - XH huyện Quảng Trạch	TDVC: 02/2010	Chuyên viên Phòng LĐ TB - XH huyện Quảng Trạch	Chuyên viên (01.003)	3	3	1/7/2015	Quản lý Lao động Xã hội	
53	Nguyễn Tiến Dũng	11/8/1976	ĐH, ngành Ngữ văn (9/2003);	Anh B	B	10/2003 - 8/2015: -nay: Giáo viên Trường THCS Quảng Hợp, Quảng Kim; 01/8/2015 - nay: VC tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch	QĐ BNN: 7/2006	Chuyên viên Phòng Giáo dục - Đào tạo, UBND huyện Quảng Trạch	Chuyên viên (01.003)	4	3,33	01/6/2015	Quản lý Giáo dục và Đào tạo	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chức vụ, vị trí đang công tác	Ngày tháng năm tuyển dụng hoặc tham gia công tác	Vị trí việc làm sau khi tiếp nhận công chức	Đề nghị xếp ngạch, bậc, hệ số lương				Sát hạch môn chuyên ngành	Ghi chú
									Ngạch	Bậc	Hệ số	Thời điểm tính nâng lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
24. UBND HUYỆN LỆ THỦY														
54	Võ Thị Quỳnh	20/5/1976	Đại học, ngành điều dưỡng phụ sản (09/2009); (Tại chức)	Anh B	B	1998-8/2010: HDLĐ tại các Trạm Y tế xã; 8/2010 - 7/2013: Viên chức tại Trung tâm dân số - Kế hoạch hóa Gia đình, 7/2013 - nay: VC Phòng Y tế UBND huyện Lệ Thủy	BNN VC: 02/2010	Chuyên viên Phòng Y tế UBND huyện Lệ Thủy	Chuyên viên (01.003)	5	3,66	01/3/2013	Quản lý Y được	
55	Võ Phương Nam	15/4/1985	Đại học, ngành Xây dựng (cấp thoát nước) (10/2009)	Anh C	B	10/2009 - 10/2014: HDLĐ Ban Quản lý dự án Vệ sinh môi trường thành phố Đồng Hới; 10/2014 - 4/2015: HDLĐ tại phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy; 4/2015 - nay: HDLĐ tại phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Lệ Thủy	HDLĐ: 10/2009	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND huyện Lệ Thủy	Chuyên viên (01.003)	2	2,67	1/11/2013	Quản lý Kinh tế Hạ tầng	Trình Bộ Nội vụ

Danh sách có 55 người


T/M HỘI ĐỒNG KT - SH
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Tiến Dũng